

5483
1998

ỦY BAN KHOA HỌC NHÀ NƯỚC-BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ CNTP

CHƯƠNG TRÌNH 02.B

BÁO CÁO TỔNG KẾT

HOẠT ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH 02.B

GIAI ĐOẠN 1986-1990

(In lần thứ 2, có sửa chữa và bổ sung)

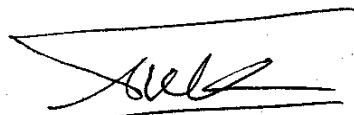
Hà nội, 4/1992

BÁO CÁO TỔNG KẾT

HOẠT ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH 02.B

GIẢI ĐOẠN 1986-1990

Kính biểu
Anh Đặng Hữu



Nguyễn Văn Trường

3183

Chủ biên: Nguyễn Văn Thường

Ban biên tập

*Phạm Hữu Doanh, Lưu Ký, Phạm Sĩ Lăng,
Đình Hồng Luận, Trần Thế Thông, Nguyễn Văn Thường,
Nguyễn Thị Trinh.*

Nội dung biên tập

Hướng chủ yếu tổng kết các đề tài nghiên cứu khoa học được ghi trong chương trình do các cán bộ đầu ngành chủ trì, theo dạng tóm tắt nhằm cung cấp cho bạn đọc những kết luận chính có thể dùng trong nghiên cứu, giảng dạy và chỉ đạo sản xuất.

Thiết kế kỹ thuật và in

Phòng Khoa học, Viện Chăn Nuôi, Bộ Nông Nghiệp và Công nghiệp thực phẩm.

MỤC LỤC

trang
3

* Mục lục

PHẦN MỘT
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH 02.B
GIAI ĐOẠN 1986 - 1992

1. Tên chương trình	9
2. Cấp quản lý chương trình	9
3. Cơ quan chủ trì chương trình	9
4. Chủ nhiệm chương trình	9
5. Ban chủ nhiệm chương trình	9
6. Mục tiêu chương trình	9
7. Cơ quan chủ trì và phối hợp	11
8. Địa bàn thực hiện	11
9. Cán bộ thực hiện	12

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH 02.B
TRONG GIAI ĐOẠN 1986 - 1990 15

I. Những quan điểm tiếp cận và tiến trình triển khai thực hiện chương trình 02.B 15

II. Đánh giá kết quả thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học 16

A. Vấn đề giống: 16

1. Đề tài 02B.01.02	16
2. Đề tài 02B.01.03	17
3. Đề tài 02B.01.04	17
4. Đề tài 02B.01.06	18
5. Đề tài 02B.01.08	19
6. Đề tài 02B.01.09	19
7. Đề tài 02B.01.10	20

B. Vấn đề thức ăn 20

8. Đề tài 02B.02.02	20
9. Đề tài 02B.02.03	21

C. Vấn đề thú y 21

10. Đề tài 02B.03.01	21
11. Đề tài 02B.03.02	22
12. Đề tài 02B.03.03	23
13. Đề tài 02B.03.04	24

D. Tổ chức xây dựng mô hình 24

14. Đề tài 02B.04.01	24
15. Đề tài 02B.04.03	25
16. Đề tài 02B.04.04	26

III. Đánh giá kết quả triển khai thực nghiệm các kết luận nghiên cứu khoa học và vị trí của khoa học kỹ thuật chăn nuôi thú y trong sản xuất nông nghiệp	27
--	----

IV. Kết luận	31
--------------	----

PHỤ LỤC	33
Dạng sản phẩm kết quả tạo ra	33

PHẦN HAI
QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ 35

1. Phương pháp kiểm tra cá thể lợn đực hậu bị	37
2. Quy trình thâm canh lợn nái	42
3. Quy trình bào chế Dextran bằng lên men sinh học	46
4. Quy trình sản xuất hợp chất Dextran Ferrium Việt nam	48
5. Hướng dẫn sử dụng chế phẩm Dextran Ferrium	49
6. Hướng dẫn sử dụng chế phẩm Polysacharit sắt	51
7. Quy trình sản xuất tăng liễm ri mắt - Urà.	52
8. Quy trình sản xuất TABS Vicafô.	54
9. Quy trình sản xuất TABS Fuvemit.	55
10. Quy trình kỹ thuật nuôi gà lai Broiler HV-85.	57
11. Quy trình sản xuất vac xin nhũ hoá tụ huyết trùng trâu-bò.	62
12. Quy trình hướng dẫn sử dụng vac xin nhũ hoá tụ huyết trùng trâu-bò.	63
13. Quy trình chuẩn đoán phản ứng ngưng kết (SAT) dùng phát hiện nhanh kháng thể chống Tiên mao trùng.	65
14. Các phác đồ điều trị bệnh Tiên mao trùng do Trypanosoma Evansi.	67

PHẦN BA
TUYỂN TẬP CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

1. Nghiên cứu xây dựng các cặp lợn lai có năng suất cao, đạt tỷ lệ nạc trên 45%	70
2. Nghiên cứu các cặp lợn lai có năng suất thịt cao, tỷ lệ nạc đạt 45% để xuất khẩu	72
3. Nghiên cứu các tham số di truyền và chỉ số chọn lọc về khả năng sản xuất của lợn.	74
4. Đăng ký quốc gia lợn giống cao sản.	76
5. Chọn lọc định hướng theo sản lượng trứng của 2 dòng gà BVx và BVy bộ giống gà trứng Leghorn trắng.	78
6. Chọn lọc nhân thuần định hướng dòng gà thuần chủng Plymouth Rock TD9.	81
7. Nghiên cứu thích nghi chọn lọc và nhân thuần 3 dòng gà thuần chủng bộ giống gà chuyên dụng thịt Hybro HV 85.	83
8. Nghiên cứu các công thức lai kinh tế giữa các dòng ở gà hướng thịt HV 85.	86
9. Nghiên cứu chế độ dinh dưỡng, sử dụng các nguyên liệu	

- thức ăn cho gà đẻ và gà thịt. 89
10. Nghiên cứu chọn lọc nhân thuần các dòng vịt nội, ngoại và các cặp vịt lai có năng suất cao phù hợp với phương thức chăn nuôi khác nhau. 92
11. Nghiên cứu xác định và đưa vào sản xuất các công thức lai bò hướng sữa và thịt. 94
12. Nghiên cứu chọn lọc các dòng bò cao sản nhập nội xây dựng tiêu chuẩn giám định giống và đăng ký quốc gia về trâu bò. 97
13. Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật nhằm nâng cao lượng sữa của đàn trâu Murrah và tạo đàn trâu lai hướng sữa. 102
14. Nghiên cứu và áp dụng các biện pháp tổng hợp về kinh tế, kỹ thuật và tổ chức để tăng số lượng và chất lượng trâu cày kéo ở hai vùng đồng bằng sông Hồng và sông Cửu long. 104
15. Nghiên cứu tuyển chọn các giống cỏ thích hợp và áp dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp từng bước cải tạo xây dựng đồng cỏ theo phương thức nông lâm kết hợp. 106
16. Nghiên cứu vac xin đa giá Salsco phòng bệnh ỉa chảy cho lợn con. 109
17. Xác định các yếu tố gây bệnh di truyền Plasmid của vi khuẩn E.Coli để chọn giống sản xuất vac xin phòng bệnh phân trắng của lợn con. 112
18. Một số vi khuẩn thường gặp trong bệnh ho thở truyền nhiễm của lợn. 114
19. Kết quả nghiên cứu bào chế Dextran với vi khuẩn Leuconostoo Mensente roides. 117
20. Kết quả nghiên cứu tác dụng phòng bệnh của De xtranferrium trong hội chứng thiếu máu do thiếu sắt ở lợn con theo mẹ. 120
21. Nâng cao độ an toàn của Dextran Ferrium sản xuất tại Việt Nam và thử tác dụng trên lợn sơ sinh ở một số cơ sở chăn nuôi. 121
22. Điều chế và xử dụng Pôly saccharit Fe tiêm cho lợn sơ sinh. 123
23. Vac xin nhũ hoá tự huyết trùng trâu bò trong sản xuất công nghệ. 126
24. Kết quả nghiên cứu và sản xuất vac xin tự huyết trùng trâu bò chủng Iran. 128
25. Chẩn đoán bệnh Tiên mao trùng trâu bò bằng phản ứng ngưng kết và khả năng áp dụng ở diện rộng. 131
26. Tình hình nhiễm cầu trùng (Coccidia) của gà và hiệu lực phòng trị bệnh của Sulfamethoxypryridain (SMP). 135

PHẦN MỘT

TỔNG KẾT

HOẠT ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH 02.B

GIAI ĐOẠN 1986 - 1990

1. TÊN CHƯƠNG TRÌNH:

Nghiên cứu và áp dụng vào sản xuất các biện pháp khoa học kỹ thuật nhằm phát triển và nâng cao năng suất chăn nuôi góp phần thực hiện 3 chương trình kinh tế xã hội của Nhà nước.

2. CẤP QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH : NHÀ NƯỚC.

3. CƠ QUAN CHỦ TRÌ CHƯƠNG TRÌNH: Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm.

4. CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH: Nguyễn Văn Thường
Giáo sư, nguyên Viện trưởng Viện Chăn nuôi

5. BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH:

1. Đào Trọng Đạt, Gs.Viện trưởng Viện Thú y, Phó chủ nhiệm.
2. Trần Thế Thông, Gs.Viện trưởng Viện KHNN Miền nam, Phó chủ nhiệm.
3. Phạm Chúc , Pts.Giám đốc Công ty Vật tư Thú y II-Uỷ viên
4. Đào Hạp , Pts.Vụ trưởng Vụ NSY, uỷ ban Khoa học NN-Uỷ viên
5. Đào Văn Huyền, Pts.Chủ nhiệm Công ty chăn nuôi và TAGSI-Uỷ viên
6. Lê Bá Lịch, Ks.Phó Cục trưởng Cục CNTY Bộ NN và CNTP-Uỷ viên
7. Bình Hồng Luận, Gs.Phó chủ nhiệm Công ty chăn nuôi và TAGSI-Uỷ viên
8. Lê Viết Ly, Pts.Phó Viện trưởng Viện chăn nuôi-Uỷ viên
9. Lê Hồng Mận, Gs.Phó Tổng giám đốc LHXNGC Việt nam-Uỷ viên
10. Văn Mộng, Ks.Phó chủ nhiệm Công ty chăn nuôi và TAGSI-Uỷ viên
11. Nguyễn Thiện, Gs.Viện trưởng Viện Chăn nuôi -Uỷ viên
12. Lưu Kỹ, Ks.Phó phòng Khoa học Viện Chăn nuôi-Thư ký
13. Phạm Sĩ Lăng, Pts. Trưởng phòng khoa học Viện Thú y, -Thư ký
14. Nguyễn Nguyên Oánh, Ks.Chuyên viên Vụ NSY UB Khoa học N.N -Thư ký
15. Nguyễn Thị Trinh, Ks.Chuyên viên Vụ Khoa học Bộ NN và CNTP-Thư ký

6. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH:

6.1 Mục tiêu chung:

Tăng năng suất sinh sản ,sinh trưởng,tăng sản phẩm và bảo vệ gia súc nhất là gia súc non, đồng thời giải quyết sức kéo phân bón cho thâm canh trồng trọt .

6.2 Mục tiêu cụ thể:

6.2.1. Tăng năng suất sinh sản :

6.2.1.1.Đưa lứa đẻ của lợn nái lên đạt 1,5-1,7 lứa/năm,năng tỷ lệ đẻ của bò lên đạt 65%,của trâu lên 50-55%.

6.2.1.2.Nâng cao sản lượng trứng của gà công nghiệp lên đạt 250-260 quả/mái/năm,vịt ngoại thuần 140-150 quả và vịt lai 160-180 quả/mái/năm.

6.2.2. Tăng sinh trưởng và sản phẩm:

6.2.2.1. Đưa khối lượng lợn xuất chuồng lên đạt bình quân 70-75 Kg, bò 250 Kg và trâu 350 Kg/con.

6.2.2.2. Đưa khối lượng gà broiler 56 ngày tuổi lên đạt 1,5-1,6 Kg/con và vịt lai 60-75 ngày tuổi 1.6-1.8 Kg/con.

6.2.2.3. Nâng sản lượng sữa lên đạt :

Bò lai : 1800-2000 Kg/305 ngày.
Trâu Murrah: 1400-1500 Kg/270 ngày
Trâu lai : 1100-1200 Kg/270 ngày

6.2.2.4. Nâng cao khối lượng bò lai giết thịt lúc 24 tháng tuổi 280-300 Kg/con, tỷ lệ thịt xẻ khoảng 50%.

6.2.3. Bảo vệ gia súc gia cầm :

6.2.3.1. Hạn chế đến mức thấp nhất bệnh phân trắng lợn con (dưới 10%)

6.2.3.2. Điều trị có hiệu quả bệnh tiên mao trùng, bệnh cầu trùng bê nghé, bệnh sán lá gan, bệnh giun phổi, bệnh đường ruột ở lợn và trâu bò.

6.2.3.3. Tiêm phòng và điều trị có hiệu quả bệnh dịch tả, bệnh tụ huyết trùng, bệnh đóng dấu lợn, bệnh tụ huyết trùng trâu bò và bệnh Niu catson ở gà đảm bảo an toàn dịch bệnh gia súc gia cầm trong dân ở quy mô tỉnh.

6.2.3.4. Phòng và trị bệnh sản khoa ở trâu bò nuôi tập trung.

6.2.3.5. Từng bước có thể sản xuất một số hoá dược và dụng cụ chuyên dùng trong nước cho ngành chăn nuôi thú y.

6.2.4. Thức ăn và đồng cỏ :

6.2.4.1. Sản xuất một số chế phẩm giàu dinh dưỡng ở trong nước, dùng làm thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm.

6.2.4.2. Tổ chức sản xuất, chế biến, bảo quản, tìm biện pháp tăng nguồn thức ăn từng bước chủ động thức ăn cho chăn nuôi.

6.2.4.3. Ứng dụng các biện pháp kỹ thuật xây dựng khai thác và sử dụng hợp lý đồng cỏ, tăng khả năng thu cắt và chăn thả trâu bò trên diện tích đồng cỏ và bãi chăn.

7. CƠ QUAN CHỦ TRÌ VÀ PHỐI HỢP:

7.1. Cơ quan chủ trì:

- Viện Khoa học Nông nghiệp Miền nam, Bộ NN và CNTP
- Viện Chăn nuôi, Bộ NN và CNTP
- Viện Thú y, Bộ NN và CNTP
- Viện Hoá học Công nghiệp, Bộ Công nghiệp nặng
- Cục chăn nuôi Thú y, Bộ NN và CNTP
- Liên hiệp xí nghiệp gia cầm Việt nam, Bộ NN và CNTP
- Công ty chăn nuôi và TAGS I, Bộ NN và CNTP
- Công ty vật tư CNTY I, Bộ NN và CNTP
- Trung tâm thú y Nam bộ, Bộ NN và CNTP
- Phân viện thú y miền Trung, Bộ NN và CNTP

7.2. Cơ quan phối hợp:

- Viện Khoa học KTNN Việt nam, Bộ NN và CNTP
- Trung tâm nghiên cứu béo dậu, Viện NHTN, Bộ NN và CNTP
- Trường Đại học NN I, Bộ giáo dục và đào tạo
- Trường Đại học NN Huế - Bộ Giáo dục và đào tạo
- Viện trang thiết bị và công trình y tế, Bộ Y tế
- Viện vệ sinh dịch tễ, Bộ y tế.
- Viện Công nghiệp thực phẩm, Bộ NN và CNTP
- Sở Nông nghiệp Hà nội
- Sở Nông nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
- Sở Nông Lâm nghiệp Gialai-Kontum
- Sở Nông nghiệp Phú khánh
- Chi cục thú y Thái bình
- Bộ môn Dược Trường Đại học Dược, Bộ Y tế
- Công ty Chăn nuôi Phú khánh
- Xí nghiệp liên hiệp chăn nuôi Thái bình.

8. Địa bàn thực hiện:

- Trung tâm N/C lợn Thụy phương, viện chăn nuôi
- Trung tâm N/C bò và đồng cỏ Ba vì, Viện Chăn nuôi
- Trung tâm N/C Vịt Đại xuyên, Viện chăn nuôi
- Trung tâm N/C và phát triển chăn nuôi Bình thặng, Viện KHNN Miền nam
- Trung tâm sữa và giống bò Hà nội
- Nông trường Hà tam Tỉnh Gialai-Kontum
- Nông trường Đồng giao I, Công ty rau quả Trung ương
- Trung tâm N/C trâu và đồng cỏ Sông bé, Viện Chăn nuôi
- Trung tâm N/C gia cầm Vạn phúc, LHXNGC Việt nam
- Xí nghiệp thức ăn An khánh, Công ty chăn nuôi và TAGS I
- Trại heo 30/4 Đồng nai
- Trại cấp II Hoà thặng huyện Tuy hoà tỉnh Phú yên
- Trại heo 2/9 Sông bé